

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Quản trị kinh doanh 2 - K13

Môn thi: **Quản trị học**

Lần thi: **1**

Giám thị 1: Bích Thủy

Ký tên: h

Học kỳ: **2**

Năm học: **2011 - 2012**

Ngày thi: 08/06/12

Giám thị 2: N.T. Phụng

Ký tên: Phung

Cán bộ giảng dạy: _____

Phòng thi: A15 + 12

Giám thị 3: Carin Chi Hoa

Ký tên: Carin

Tổng số bài: 55 (A1.12) + 46 (A1.5)

Số tờ: 46 (A1.5) + 56 (A1.12)

Giám thị 4: Trần Anh

Ký tên: Anh

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
					Kiểm tra TS: 30%	Thi TS: 70%		
1	1110090115	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/09/1993	<u>myh</u>	7	6	6	sáu
2	1110090116	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/02/1993	<u>nguyen</u>	8	6	7	bảy
3	1110090117	Trần Thị Ngọc Huyền	20/05/1993	<u>Huyen</u>	8	6	7	bảy
4	1110090118	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	10/08/1993	<u>huyen</u>	7	6	6	sáu
5	1110090119	Phạm Thị Ngọc Huyền	21/11/1993	<u>Huyen</u>	7	7	7	bảy
6	1110090120	Nguyễn Thị Hồng Huyền	14/08/1993	<u>HE</u>	7	3	4	- 25% bốn
7	1110090121	Trần Minh Kha	13/09/1993	<u>x</u>	7	5	6	sáu
8	1110090122	Võ Văn Khải	06/11/1993	<u>le</u>	7	5	6	sáu
9	1110090123	Trần Hoàng Khải	04/10/1993	<u>hoang</u>	7	7	7	bảy
10	1110090124	Vũ Duy Khải	03/10/1993	<u>duy</u>	7	5	6	sáu
11	1110090125	Lê Đăng Khoa	09/05/1993	<u>dat</u>	5	3	4	bốn
12	1110090126	Lại Phạm An Khương	24/09/1993	<u>Anh</u>	7	6	6	sáu
13	1110090127	Nguyễn Thái Kiệt	18/10/1993	<u>Kiet</u>	7	7	7	bảy
14	1110090128	Ngô Thị Kiều	17/08/1992	<u>thi</u>	7	7	7	bảy
15	1110090129	Trần Thanh Kiều	19/06/1993	<u>thanh</u>	7	6	6	sáu
16	1110090130	Voòng Mỹ Kim	17/02/1992	<u>my</u>	7	7	7	bảy
17	1110090131	Hoàng Thị Lan	27/11/1993	<u>thi</u>	7	7	7	bảy
18	1110090132	Huỳnh Minh Hạnh Lan	31/05/1993	<u>hanh</u>	7	8	8	tám
19	1110090133	Trần Thị Ngọc Lan	12/08/1993	<u>nguyen</u>	6	7	7	bảy
20	1110090134	Lê Văn Lang	20/05/1992	<u>van</u>	6	5	5	năm
21	1110090135	Nguyễn Thị Lài	02/03/1993	<u>thi</u>	7	6	6	sáu
22	1110090136	Lê Thị Mỹ Lài	06/08/1993	<u>my</u>	7	7	7	bảy
23	1110090137	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	08/02/1993					✓
24	1110090138	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	07/03/1993					✓
25	1110090139	Văn Thị Lệ	11/01/1993	<u>thi</u>	7	7	7	bảy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS: 30%	Thi TS: 70%		
26	1110090140	Huỳnh Thị Mĩ	Liệu	21/01/1993		7			✓
27	1110090141	Khổng Gia	Lìn	26/04/1992	Gia	7	7	7	ba
28	1110090142	Lê Hoàng Yến	Linh	09/04/1993	Yen	7	5	6	sáu
29	1110090143	Vũ Phương	Linh	18/10/1993	Phuong	7	6	6	sáu
30	1110090144	Trần Văn Hoài	Linh	06/05/1992	H.Linh	6	4	5	năm
31	1110090145	Phan Thụy Phương	Linh	02/12/1991	Phuoc	5	7	6	sáu
32	1110090146	Hồ Cẩm	Linh	16/11/1990	e-Linh	7	7	7	ba
33	1110090147	Cao Thị Thùy	Linh	21/09/1993	Thuy	7	5	6	sáu
34	1110090148	Lê Tuyết Lâm	Linh	12/10/1993	Lam	7	3	4	bốn
35	1110090149	Võ Thị Thùy	Linh	11/02/1993	Thuy	7	5	6	sáu
36	1110090150	Đỗ Hữu	Lộc	29/01/1993	Huu	5	5	5	năm
37	1110090151	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	26/06/1993	Cam	6	7	7	ba
38	1110090152	Nguyễn Hoàng	Long	13/09/1992	Hoang	7	5	6	sáu
39	1110090153	Lý	Long	16/07/1993	Long	8	5	6	sáu
40	1110090154	Nguyễn Tấn Minh	Luận	09/07/1993	Tan	7	4	5	năm
41	1110090155	Đặng Thị	Lúa	25/12/1993	Thi	7	5	6	sáu
42	1110090156	Huỳnh Thị	Lý	06/01/1993	Thi	7	6	6	sáu
43	1110090157	Nguyễn Thị Thanh	Lý	30/08/1993	Thanh	8	7	7	ba
44	1110090158	Nguyễn Văn	Lý	14/01/1993					✓
45	1110090159	Nguyễn Minh	Mẫn	17/05/1992	Minh	6	5	5	năm
46	1110090160	Phan Thị	Mẫn	20/07/1993	Phuoc	7	6	6	sáu
47	1110090161	Nguyễn Thị Thu	Mai	12/08/1993	Thi	7	6	6	sáu
48	1110090162	Nguyễn Thị	Mai	09/02/1993	Thi	7	6	6	sáu
49	1110090163	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	17/07/1993	Ngoc	7	6	6	sáu
50	1110090164	Hồ Thị	Mai	07/08/1993	Thi	6	6	6	sáu
51	1110090165	Trần Thị Huỳnh	Mai	20/04/1992	Thi	8	7	7	ba
52	1110090166	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	12/05/1993					
53	1110090167	Tiêu Thị Diễm	Mi	1993	Thi	7	3	4	bốn
54	1110090168	Trần Thị	Miên	26/05/1992					
55	1110090169	Nguyễn Văn Nhựt	Minh	22/03/1993	Minh	7	5	6	sáu
56	1110090170	Nguyễn Hoàng	Minh	27/11/1993					
57	1110090171	Trần Thanh	Minh	01/03/1993	Thanh	7	6	6	sáu
58	1110090172	Hoàng Đức	Minh	14/01/1993					
59	1110090173	Nguyễn Hồng	My	22/02/1993	My	8	7	7	ba
60	1110090174	Hà Lệ	My	15/11/1992	My	6	0	2	hai

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS: 30%	Thi TS: 70%		
61	1110090175	Lê Ngọc Thảo	My	04/10/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	6	sáu
62	1110090176	Phan Xuân	Mỹ	11/02/1993	<i>[Signature]</i>	7	6	6	sáu
63	1110090177	Trần Huỳnh Hoàng	Mỹ	10/08/1993	<i>[Signature]</i>	7	7	7	bảy
64	1110090178	Nguyễn Khánh	Đặng	12/12/1993	<i>[Signature]</i>	7	6	6	sáu
65	1110090179	Lương Hiền	Đạo	21/07/1993	<i>[Signature]</i>	7	7	7	bảy
66	1110090180	Nguyễn Thành	Đạt	08/10/1993	<i>[Signature]</i>	7	4	5	năm
67	1110090181	Nguyễn Thành	Nam	22/03/1991	<i>[Signature]</i>	5	6	6	sáu
68	1110090182	Vũ Hoàng	Nam	15/07/1993	<i>[Signature]</i>	7	3	4	bốn
69	1110090183	Hoàng Thị	Đài	03/01/1993	<i>[Signature]</i>	7	5	6	sáu
70	1110090184	Tạ Thị	Đào	06/06/1993	<i>[Signature]</i>	7	7	7	bảy
71	1110090185	Huỳnh Thị Ngọc	Đào	01/01/1993	<i>[Signature]</i>				
72	1110090186	Hoàng Thị Anh	Đào	28/01/1992	<i>[Signature]</i>	7	7	7	bảy
73	1110090187	Nguyễn Thị Tuyết	Đào	15/08/1993	<i>[Signature]</i>	7	5	6	sáu
74	1110090188	Huỳnh Thị Hồng	Đào	04/11/1992	<i>[Signature]</i>	7	6	6	sáu
75	1110090189	Trần Thị Thanh	Đào	09/05/1993	<i>[Signature]</i>	7	5	6	sáu
76	1110090190	Nguyễn Thị	Nga	02/09/1993	<i>[Signature]</i>	7	8	8	tám
77	1110090191	Nguyễn Thị Hồng	Nga	01/11/1993	<i>[Signature]</i>	5	4	4	bốn
78	1110090192	Nguyễn Thị	Nga	05/06/1993	<i>[Signature]</i>	7	3	4	bốn
79	1110090193	Trần Thị Thanh	Nga	24/04/1992	<i>[Signature]</i>	7	6	6	sáu
80	1110090194	Nguyễn Thị Thanh	Nga	10/11/1993	<i>[Signature]</i>	8	7	7	bảy
81	1110090195	Nguyễn Thị Giang	Ngân	03/08/1993	<i>[Signature]</i>	8	7	7	bảy
82	1110090196	Nguyễn Thị Ai	Ngân	05/06/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	6	sáu
83	1110090197	Bùi Thị Thu	Ngân	03/11/1993	<i>[Signature]</i>	7	6	6	sáu
84	1110090198	Nguyễn Mai Kim	Ngân	15/06/1993	<i>[Signature]</i>		3	2	hai
85	1110090199	Nguyễn Anh	Ngân	28/09/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	sáu
86	1110090200	Nguyễn Thị Anh	Ngân	02/02/1993	<i>[Signature]</i>	7	6	6	sáu
87	1110090201	Lưu Thị Kim	Ngân	13/10/1993	<i>[Signature]</i>	7	6	6	sáu
88	1110090202	Đặng Thị Ai	Ngân	11/05/1993	<i>[Signature]</i>	7	6	6	sáu
89	1110090203	Lê Hoàng	Ngân	10/11/1993	<i>[Signature]</i>	8	6	7	bảy
90	1110090204	Nguyễn Thị Kim	Ngân	11/03/1993	<i>[Signature]</i>				
91	1110090205	Ngô Thị Kim	Ngân	19/04/1993	<i>[Signature]</i>				
92	1110090206	Đoàn Thị	Ngà	17/04/1993	<i>[Signature]</i>	7	5	6	sáu
93	1110090207	Lư Trọng	Nghĩa	29/10/1992	<i>[Signature]</i>	7	5	6	sáu
94	1110090208	Đỗ Trọng	Nghĩa	17/11/1993	<i>[Signature]</i>	7	5	6	sáu
95	1110090209	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/06/1992	<i>[Signature]</i>	5	6	6	sáu

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS: 30%	Thi TS: 70%		
96	1110090210	Tăng Thúy	Ngọc	08/10/1992	<i>ng</i>	6	6	6	sáu
97	1110090211	Đoàn Thu	Ngọc	01/07/1993	<i>na</i>	6	6	6	sáu
98	1110090212	Võ Thị Mỹ	Ngọc	13/03/1993	<i>Ngoc</i>	7	7	7	bảy
99	1110090213	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21/02/1993	<i>Đức</i>	7	5	6	sáu
100	1110090214	Phạm Thị Bích	Ngọc	20/10/1993	<i>ng</i>	7	6	6	sáu
101	1110090215	Nguyễn Bích	Ngọc	28/12/1992	<i>ngoc</i>	6	4	5	năm
102	1110090216	Nguyễn Hoàng Bội	Ngọc	29/04/1993	<i>Đm</i>	6	7	7	bảy
103	1110090217	Đỗ Thị Bích	Ngọc	07/06/1993	<i>ma</i>	7	6	6	sáu
104	1110090218	Trần Thị Quý	Ngọc	06/07/1993	<i>ng</i>	7	7	7	bảy
105	1110090219	Trần Sỹ	Nguyên	24/07/1993	<i>Sy</i>	5	6	6	sáu
106	1110090220	Hồ Thị Thảo	Nguyên	14/04/1993	<i>/</i>	/	/	/	/
107	1110090221	Phan Duy	Nguyên	09/03/1990	<i>Phan</i>	5	7	6	sáu
108	1110090222	Lê Văn	Nhất	17/02/1993	<i>Le</i>	7	6	6	sáu
109	1110090223	Võ Thị Mai	Phương	29/06/1993	<i>ng</i>	7	5	6	sáu
110	1110090224	Vũ Trắng Tố	Tâm	17/12/1991	<i>to</i>	6	5	5	năm
111	1110090233	Vương Đình	Nguyễn	20/08/1992	<i>nguyen</i>	6	0	2	hai
112	1110090261	Nguyễn Tấn	Phong	30/04/1993	<i>Phong</i>	7	7	7	bảy
113	1110090446	Phan Xuân	Ý	11/02/1993	<i>Phan</i>	7	7	7	bảy

Ngày 18 . tháng 6 . . năm 2012

GIÁO VIÊN CHẤM THI